

Bản án số: 382/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 20 - 8 - 2026
V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Mạnh;

Bà Nguyễn Thị Thuý Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tuấn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình.

Ngày 20 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1985; căn cước công dân số 036185000785 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/9/2025; địa chỉ: Thôn Đ. L, xã N.S, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn S, sinh năm 1978; căn cước công dân số 036078000517 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/7/2021; địa chỉ: Thôn Đ. L, xã N.S, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Chị L, anh S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 5 năm 2026, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn S có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (nay là xã N.S, tỉnh Ninh Bình) ngày 18/10/2005 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra anh S thường vô cớ đánh Chị L khiến mâu

thuần ngày càng căng thẳng. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng nên Chị L và anh S đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay Chị L xác định không còn tình cảm với anh S, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị L và anh S có 03 con chung gồm: Phạm Văn T, sinh ngày 26/09/2006, Phạm Thị T1, sinh ngày 11/4/2009 và Phạm Thị P.A, sinh ngày 05/4/2019. Hiện nay cháu Tiến đã thành niên, tự lo được cuộc sống nên Chị L không yêu cầu giải quyết, Cháu T1 và cháu P.A đang ở cùng anh S. Khi ly hôn, Chị L tự nguyện nhường anh S trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Trang và P.A, Chị L không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S và Chị L có tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (nay là xã N.S, tỉnh Ninh Bình) ngày 18/10/2005 như Chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại Thôn Đ. L, xã N.S, tỉnh Ninh Bình, cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường, không có mâu thuẫn lớn. Đến đầu tháng 06 năm 2024 Chị L tự ý bỏ nhà đi mà không nói cho anh S biết lý do. Vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay Chị L xin ly hôn, anh S không nhất trí ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với Chị L, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con chung. Trong trường hợp Chị L cương quyết ly hôn thì anh S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như Chị L trình bày là đúng. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân, các con chung ở cùng anh S. Nếu vợ chồng ly hôn, anh S nhận trực tiếp nuôi dưỡng hai con là T1 và P.A, không yêu cầu Chị L phải cấp dưỡng nuôi các con chung, còn cháu T đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh S không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị L, bị đơn anh Phạm Văn S vắng mặt nhưng đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại

khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (nay là xã N.S, tỉnh Ninh Bình) ngày 18/10/2005 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa Chị L và anh S là hợp pháp. Chị L cho rằng cuộc sống vợ chồng từ lâu không còn hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng ý kiến, anh S thường vô cớ đánh chị, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau và chị xin ly hôn anh S. Theo anh S thì cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường, không có mâu thuẫn lớn nhưng Chị L lại tự ý bỏ nhà đi, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 đến nay, nay anh không nhất trí ly hôn Chị L vì vẫn còn tình cảm.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L, thấy: Thực tế hiện nay cuộc sống vợ chồng giữa Chị L và anh S không hạnh phúc, hai người đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Nay Chị L xin ly hôn, anh S không nhất trí nhưng cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị L và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L, cho Chị L được ly hôn anh Phạm Văn S là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Phạm Văn S có 03 con chung gồm: cháu Phạm Văn T, sinh ngày 26/09/2006, Phạm Thị T1, sinh ngày 11/4/2009 và Phạm Thị P.A, sinh ngày 05/4/2019. Hiện các con chung đang ở cùng anh S. Khi ly hôn, Chị L và anh S đều thống nhất không yêu cầu giải quyết việc nuôi cháu Tiến vì cháu đã thành niên, anh S trực tiếp nuôi hai con chung là T1 và P.A, Chị L không phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Cháu T1 và P.A cũng có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Xét thấy sự thống nhất nuôi con chung chưa thành niên khi ly hôn của các đương sự không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay là các con chung chưa thành niên đang ở cùng anh S nên căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình, giao 02 con chung chưa thành niên là cháu Phạm Thị T1 và Phạm Thị P.A cho anh Phạm Văn S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị Trần Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với các con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Phạm Văn S.

2. Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Giao cháu Phạm Thị T1, sinh ngày 11/4/2009 và cháu Phạm Thị P.A, sinh ngày 05/4/2019 cho anh Phạm Văn S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị Trần Thị L không phải cấp dưỡng nuôi các con chung cho anh S. Chị L và anh S có mọi quyền, nghĩa vụ đối với các con chung theo quy định của pháp luật. Hiện Cháu T1 và cháu P.A đang ở cùng anh S nên Chị L không phải thực hiện nghĩa vụ giao con cho anh S để nuôi dưỡng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị L phải nộp án phí ly hôn 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001832 ngày 10/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị L và bị đơn anh Phạm Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 11;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã N.S;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Xuân